

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ THỌ  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:01 /2019/KDTM - ST

Ngày: 14/10/2019

“V/v tranh chấp HĐ tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Hưng Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Vi Văn Hải**

2. Bà **Lưu Thị Thúy Nga**

**-Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Viết Xuân** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST- KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quyết đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX - ST ngày 10/9/2019 và Quyết định mở lại phiên tòa số: 07/2019/QĐ-TA ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: 35 H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền: Bà **Đinh Thị Mai H** - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ.

Người được ủy quyền lại: Ông **Dương Hồng H**, sinh năm 1983 - Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ

(Có mặt tại phiên tòa).

**Bị đơn:** Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1992

Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1991

Đều có địa chỉ: Khu 5, phường T, thị xã P, tỉnh P

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôn nay, người được ủy quyền lại ông Dương Hồng H trình bày:***

Ngày 25/01/2018, Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Phú Thọ ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10694461/HĐTD cấp hạn mức tín dụng thường xuyên cho chị Trần Thị T, anh Trần Văn V với số tiền là 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng), mục đích là bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Ngày 25/01/2018 Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2018/10694461/HĐTD cho chị Trần Thị T, anh Trần Văn V vay tổng số tiền là 750.000.000 VNĐ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) với hình thức chuyển khoản theo Giấy ủy nhiệm chi số 0226 ngày 29/6/2018 của chị Trần Thị T.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, chị Trần Thị T và anh Trần Văn V đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10694461 ngày 25/01/2018 với ngân hàng để thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 303325 do UBND thị xã Phú Thọ cấp ngày 21/11/2016 đứng tên ông Trần Văn V và bà Trần Thị T ở khu 5, phường T, thị xã P, tỉnh .

Quá trình thực hiện hợp đồng chị T và anh V đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình như ghi trong hợp đồng đã ký kết.

Tính đến ngày 11/4/2019 chị T và anh V mới trả nợ cho Ngân hàng được 28.007.599 đồng tiền lãi, ngoài ra không trả được bất cứ khoản tiền gốc, lãi nào nữa. Đến nay, vợ chồng chị T và anh V còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 116.035.274đồng mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng chị T và anh V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đã bỏ nhà đi khỏi địa phương.

Nay ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ giải quyết buộc chị T và anh V phải trả cho Ngân hàng các khoản cụ thể như sau:

- + Tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng.
- + Tiền lãi phát sinh là 116.035.274đ (Trong đó tiền lãi trong hạn là 86.317.808đ và lãi quá hạn là 29.717.466đ)

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 14/10/2019 Ngân hàng đề nghị chị T và anh V phải có trách nhiệm trả nợ tổng số là 866.035.274đồng.

Đề nghị duy trì các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết để đảm bảo thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Trần Thị T và anh Trần Văn V đến Tòa án để làm việc, nhưng chị T và anh V đã bỏ nhà đi khỏi địa phương nên tòa án không tiến hành làm việc với chị T và anh V được, Tòa án

cũng không tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật được.

Ngày 23/7/2019 Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ cung cấp các tài liệu chứng cứ và có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của chị T và anh V, tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2019 tòa án tiến hành thẩm định tài sản của chị T và anh V đang thế chấp tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Dương Hồng H được Ngân hàng ủy quyền lại vẫn giữ nguyên quan điểm theo đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ buộc chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ số tiền nợ gốc là gốc 750.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/10/2019 là: 116.035.274 đồng. Duy trì Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10694461/HĐTD ngày 25/01/2018, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2018/10694461/HĐTD ngày 25/01/2018 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10694461 ngày 25/01/2018, để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 , Điều 317, Điều 322, Điều 323, Điều 299, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Phú Thọ.

Đề nghị xử buộc chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh Phú Thọ toàn bộ số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 14/10/2019 theo quy định của pháp luật;

Đề nghị duy trì hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10694461/HĐTD ngày 25/01/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2018/10694461/HĐTD ngày 25/01/2018 và hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10694461/HĐBĐ đã

ký giữa Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh Phú Thọ với chị Trần Thị T và anh Trần Văn V để đảm bảo thi hành án.

Về án phí, lệ phí:

Chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét nhận định:***

##### **[1] Về tố tụng:**

Ngày 25/01/2018, Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh Phú Thọ ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10694461/HĐTD cấp hạn mức tín dụng thường xuyên cho chị Trần Thị T với số tiền là 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng), mục đích là bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Như vậy, tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh Phú Thọ với chị Trần Thị T và anh Trần Văn V là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn đều cư trú tại phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng chị T và anh V đã bỏ đi khỏi địa phương nên không có lời khai, không kiểm tra, tiếp cận công khai chứng và hòa giải theo quy định của pháp luật được. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản của tòa án theo thủ tục chung.

Ngày ngày 10/9/2019 tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử để xét xử vào ngày 27/9/2019 và tiến hành niêm yết Quyết định theo quy định nhưng tại phiên tòa chị T và anh V (Vắng mặt) không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị T và anh V vẫn (Vắng mặt) lần thứ hai không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung của pháp luật.

##### **[2] Về nội dung vụ kiện:**

Ngày 25/01/2018, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10694461/HĐTD cấp hạn mức tín dụng thường xuyên cho chị Trần Thị T với số tiền là 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng), mục đích là bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Ngày 25/01/2018 Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2018/10694461/HĐTD cho chị Trần Thị T và anh Trần Văn V vay tổng số tiền là 750.000.000 VNĐ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) với hình thức chuyển khoản theo Giấy ủy nhiệm chi số 0226 ngày

29/6/2018 của chị Trần Thị T. Quá trình thực hiện hợp đồng chị T, anh V đã không thực hiện đúng thỏa thuận với Ngân hàng như hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 11/4/2019 chị T, anh V mới trả được cho Ngân hàng 28.007.599 đồng tiền lãi, ngoài ra không trả thêm bất cứ khoản tiền nào khác. Tính đến ngày xét xử 14/10/2019 chị T và anh V còn nợ của Ngân hàng 750.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh (Lãi trong hạn và lãi quá hạn) tổng số tiền là 116.035.274đ. Tổng cộng cả gốc và lãi chị T, anh V còn nợ là 866.035.274đ

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh V đã đi khỏi địa phương nên không có lời khai và Tòa án cũng không tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị T và ông Trần Văn V trong hồ sơ vay vốn của ngân hàng bao gồm các tài liệu:

Hợp đồng ủy quyền ngày 25/01/2018 giữa ông Trần Văn V với bà Trần Thị T tại văn phòng công chứng Hà Thúy N;

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10694461/HĐBĐ ngày 25/01/2018 của Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Phú Thọ;

Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất kinh doanh ngày 25/01/2018 của bà Trần Thị T, ông Trần Văn V;

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10694461/HĐTD ngày 25/01/2018 và Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2018/10694461/HĐTD ngày 25/01/2018 của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Phú Thọ với bà Trần Thị T;

Giấy ủy nhiệm chi số 0226 ngày 29/6/2018 của Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Phú Thọ.

Để so sánh với chữ ký, chữ viết của chị Trần Thị T và anh Trần Văn V trong các giấy tờ lưu trữ tại Văn phòng công chứng Hà Thúy N gồm:

01 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng đăng ký thông tin khách hàng và dịch vụ tài khoản của bà Trần Thị T đề ngày 24/01/2018.

01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T và ông Trần Văn V ngày 25/01/2018.

01 Phiếu yêu cầu công chứng Hợp đồng văn bản của bà Trần Thị T đề ngày 25/01/2018.

Tại kết luận giám định số: 1000/KLGĐ-PC09 ngày 20/8/2019 và kết luận giám định số: 1161/KLGĐ - PC09 ngày 27/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận: “Chữ ký đứng tên “Trần Văn V” dưới mục “Bên ủy quyền (Bên A); Đại diện bên thế chấp; Người đề nghị vay vốn (đại diện hợp pháp của KH)” trên “Hợp đồng ủy quyền”, Số công chứng: 17/2018/HĐUQ; “Hợp đồng thế chấp bất động sản” số 01/2018/10694461/HĐBĐ; “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư khác”, Số Hợp đồng :

01/2018/10694461/HĐTD (các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký đứng tên Trần Văn V và các chữ “Trần Văn V” dưới mục “Bên thế chấp” trên “Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất”, đề ngày 25/01/2018 (tài liệu so sánh ký hiệu M3) **là do cùng một người ký và viết ra.**

Chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Trần Thị T” dưới mục “Đại diện bên thế chấp; Người đề nghị vay vốn (đại diện hợp pháp của khách hàng) ; Khách hàng; Chủ tài khoản; Bên vay” trên “Hợp đồng thế chấp bất động sản” số 01/2018/10694461/HĐBĐ; “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất kinh doanh, đầu tư khác”, Số Hợp đồng: 01/2018/10694461/HĐTD; “Ủy nhiệm chi” số 0226; “Hợp đồng tín dụng cụ thể”, số hợp đồng: 02/2018/10694461/HĐTD (tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3, A4, A5, A6) so với chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Trần Thị T” dưới mục “Chữ ký người đề nghị - đồng thời là chữ ký mẫu; Người nộp phiếu; Bên thế chấp” trên “Đề nghị kiêm hợp đồng đăng ký thông tin khách hàng và dịch vụ tài khoản” số Hợp đồng: 10694461; “Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản”; “Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất”(tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3) **là do cũng một người ký và viết ra.**

Chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Trần Thị T” dưới mục “Bên được ủy quyền (Bên B) trên “Hợp đồng ủy quyền” (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Trần Thị T” dưới mục “Chữ ký người đề nghị - đồng thời là chữ ký mẫu; Người nộp phiếu; Bên thế chấp” trên “Đề nghị kiêm hợp đồng đăng ký thông tin khách hàng và dịch vụ tài khoản”, số Hợp đồng: 10694461; “Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản”; “Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3) **là do cùng một người ký và viết ra.**

Ngày 16/9/2019, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản mà chị T, anh V thế chấp. Qua xem xét thẩm định xác định tài sản đúng như tài sản mà chị Thúy và anh Việt đã thế chấp với ngân hàng.

Xét Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10694461/HĐTD ngày 25/01/2018 đã ký kết giữa chị Trần Thị T với Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Phú Thọ, trong Hợp đồng chỉ có chị Trần Thị T ký với Ngân hàng, tuy nhiên anh Trần Văn V đã có Hợp đồng ủy quyền cho chị T được toàn quyền đại diện hộ kinh doanh làm việc, ký kết hợp đồng với Ngân hàng được văn phòng công chứng chứng thực, do đó xác định Hợp đồng trên đã làm đầy đủ các thủ tục do pháp luật quy định, nên được chấp nhận hợp lệ.

Xét hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10694461/HĐBĐ ngày 25/01/2018 giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn V với Ngân hàng đã làm đầy đủ thủ tục, được phòng công chứng chứng thực. Chị T, anh V đã dùng chính tài sản

của mình để thế chấp với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản giữa chị T và anh V với Ngân hàng là hợp pháp.

Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ đối với chị Trần Thị T. Tuy trong Hợp đồng tín dụng chỉ có chị Trần Thị T ký kết với Ngân hàng, nhưng anh Trần Văn V đã có Hợp đồng ủy quyền cho chị Trần Thị T được toàn quyền đại diện hộ kinh doanh làm việc, ký kết hợp đồng với Ngân hàng được văn phòng công chứng chứng thực. Vì vậy xác định khoản nợ của Ngân hàng là khoản nợ chung của vợ chồng chị Trần Thị T và anh Trần Văn V. Do vậy, cần buộc cả vợ chồng chị T, anh V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh như đề nghị của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể buộc chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ số tiền gốc 750.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 14/10/2019 (Ngày xét xử sơ thẩm) là: 116.035.274đ đồng trong đó tiền lãi trong hạn là 86.317.808đ và lãi quá hạn là 29.717.466đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Cần duy trì hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10694461/HĐTD lập ngày 25/01/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2018/10694461/HĐTD lập ngày 25/01/2018 và duy trì đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10694461 lập ngày 25/01/2018 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ được chấp nhận nên chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí tố tụng: Các khoản chi phí giám định chữ ký, chữ viết của chị T, anh V và chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp hết tổng cộng là 11.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên cần buộc chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát thị xã Phú Thọ là phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên cần chấp nhận.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 , Điều 317, Điều 322, Điều 323, Điều 299 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 147, Điều 158 và Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ.

[2] Xử: Buộc chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ số tiền nợ gốc là 750.000.00đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến hết ngày 14/10/2019 là: 116.035.274đồng (Một trăm mười sáu triệu không trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi buộc chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ là 866.035.274 đồng làm tròn 866.035.200 đồng (Tám trăm sáu mươi sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng hai trăm đồng);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, chị Trần Thị T và anh Trần Văn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Duy trì hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10694461/HĐTD lập ngày 25/01/2018 và Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2018/10694461/HĐTD lập ngày 25/01/2018.

Duy trì đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10694461 lập ngày 25/01/2018 để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp chị Trần Thị T và anh Trần Văn V không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Phú Thọ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xử lý phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10694461/HĐTD ngày 25/01/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2018/10694461/HĐTD ngày 25/01/2018 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10694461/HĐBĐ ngày 25/01/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải chịu 37.981.058đ làm tròn 37.981.000đ (Ba mươi bảy triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ số tiền 9.108.000đ (Chín triệu một trăm linh tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002118 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

[4] Về lệ phí tố tụng: Buộc chị Trần Thị T và anh Trần Văn V phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Phú Thọ các khoản tiền chi phí tố tụng khác bao gồm tiền chi phí giám định, tiền chi phí xem xét thẩm định tổng cộng là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng Đ - Chi nhánh Phú Thọ (Có mặt) có quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị Trần Thị T và anh Trần Văn V (Vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã;;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã Ký)**

**Trần Hưng Thủy**